TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2017/DS-PT
Ngày: 17-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đắc Đương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ửng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2016/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2016/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 314/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trang Thị H, sinh năm 1953; địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1960; địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1977; địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Trang Thị H trình bày: Bà với bà Lê Thị D là người láng giềng với nhau, trước đây bà cũng có cho bà Lê Thị D vay tiền nhưng đã trả xong. Năm 2010 bà có cho bà Lê Thị D vay tiền nhiều lần tổng cộng số tiền là

58.000.000 đồng đến nay bà Lê Thị D chưa trả, cụ thể như sau: Nợ cũ còn lại của ngày 21/7/2010 âm lịch là 5.000.000 đồng; ngày 22/9/2010 bà cho bà Lê Thị D vay số tiền 15.000.000 đồng, bà đưa tiền cho bà Lê Thị D tại nhà bà; ngày 23/9/2010 bà Lê Thị D tiếp tục vay của bà số tiền 30.000.000 đồng, bà đưa tiền cho bà Lê Thị D tại nhà bà; ngày 25/9/2010 bà Lê Thị D tiếp tục vay của bà số tiền 5.000.000 đồng, bà đưa tiền cho bà Lê Thị D tại nhà bà Lê Thị D; ngày 29/9/2010 bà Lê Thị D tiếp tục vay của bà số tiền 3.000.000 đồng, bà đưa tiền cho bà Lê Thị D tại nhà bà, cả 04 lần này bà Lê Thị D là người trực tiếp nhận tiền.

Khi giao nhận tiền không có làm biên nhận, thỏa thuận thời hạn trả là 20 ngày kể từ ngày nhận tiền lần cuối ngày 29/9/2010, chỉ thỏa thuận miệng về lãi suất, bà Lê Thị D vay tiền để làm bánh Trung thu, việc bà Lê Thị D mượn tiền của bà chỉ có bà, bà Lê Thị D và người con ruột của bà tên Trần Thị Hồng T biết, vì Trần Thị Hồng T thấy bà đưa tiền cho bà Lê Thị D. Đến ngày 29/9/2010 âm lịch bà Lê Thị D có viết giấy tính tiền phía bên trên trang giấy có đề chữ "Số" bên dưới có ghi "Mùng 8 kêu tín" đem lại nhà cho bà và hứa sẽ trả tiền theo giấy này, nhưng bà Lê Thị D vẫn không trả. Đến tháng 11/2013 bà gặp bà Lê Thị D để yêu cầu trả tiền nhưng bà Lê Thị D không trả. Nay bà yêu cầu bà Lê Thị D phải trả cho bà số tiền 58.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Theo bị đơn bà Lê Thị D trình bày: Vào ngày 01/02/2010 âm lịch bà có mượn (vay) của bà Trang Thị H số tiền 15.000.000 đồng; đến ngày 05/3/2010 bà có đóng lãi tháng 03 cho bà Trang Thị H số tiền 5.000.000 đồng, đến tháng 4, tháng 5 bà không đóng lãi cho bà Trang Thị H; bà Trang Thị H kêu bà đóng 10.000.000 đồng lãi của hai tháng này nhưng bà không đóng. Bà Trang Thị H cộng cả vốn gốc và lãi là 25.000.000 đồng; rồi tiếp tục đến ngày 06/7/2010 âm lịch bà cũng không đóng lãi cho bà Trang Thị H nữa nên bà Trang Thị H cộng vốn và lãi là 40.000.000 đồng. Tiếp theo ngày 08/7/2010 âm lịch bà có đến nhà bà Trang Thị H đưa cho bà Trang Thị H 25.000.000 đồng tức là bà còn thiếu lại bà Trang Thị H 15.000.000 đồng. Tiếp theo bà mang theo 20.000.000 đồng để trả cho bà Trang Thị H và xin bớt nhưng bà Trang Thị H không chịu, bà Trang Thị H nói bốn chục triệu một ngày lãi bốn trăm ngàn đồng, 85 ngày là 34.000.000 đồng cộng với 40.000.000 đồng là 74.000.000 đồng nên bà không đồng ý, đến ngày 21/9/2010 âm lịch bà trả thêm 25.000.000 đồng xem như bà đã trả cho bà Trang Thị H xong, hiện nay bà không có thiếu tiền của bà Trang Thị H, nay bà cũng không có yêu cầu gì. Đối với số tiền bà Trang Thị H yêu cầu bà phải trả cho bà Trang Thị H 58.000.000 đồng bà không đồng ý. Giấy tính tiền mà bà Trang Thị H cung cấp cho Tòa án bà có xem qua không phải là chữ viết của bà, bà không có ghi giấy tờ gì cho bà Trang Thị H, vì những lần mượn tiền, trả tiền đều không có làm biên nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2016/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 131, khoản 1 Điều 135, Điều 79, Điều 85, Điều 90, Điều 94, khoản 2 Điều 138, khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 305, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thị H.

Buộc bà Lê Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trang Thị H số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng). Bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/7/2016, bà Lê Thị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bà không đồng ý trả cho bà Trang Thị H số tiền 58.000.000 đồng, không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.900.000 đồng và chi phí giám định 3.230.000 đồng vì bà không có thiếu tiền bà Trang Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Trang Thị H cho rằng bà cho bà Lê Thị D vay tiền 04 lần tổng cộng 58.000.000 đồng, bà Trang Thị H đã cung cấp cho Tòa án sơ thẩm giấy tính toán, do bà Lê Thị D tự viết có từng ngày, tháng, số tiền vay và trả lãi (BL 18). Còn phía bà Lê Thị D thì không thừa nhận có vay tiền của bà Trang Thị H 58.000.000 đồng, mà cho rằng vào ngày 01/02/2010 bà có vay của bà Trang Thị H 15.000.000 đồng, đã trả xong vốn và lãi lên đến 75.000.000 đồng và không có giấy tờ gì để chứng minh cho việc trả vốn, lãi cho bà Trang Thị H, trong khi bà Trang Thị H không thừa nhận; đồng thời bà Lê Thị D khẳng định chữ viết trong giấy tính tiền không phải là của bà. Sau đó bà Trang Thị H yêu cầu giám định chữ viết của bà Lê Thị D. Tại kết quả giám định ngày 16/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh (BL 126) và kết luận giám định số 1567/C54B ngày 18/7/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh, cả hai kết

luận giám định điều kết luận: chữ viết và chữ số trên tờ giấy tập học sinh, bắt đầu bằng từ "Số" và kết thúc bằng từ "Mùng 8 kêu tín" so với chữ viết mẫu của bà Lê Thị D là do cùng một người viết ra. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm có đủ căn cứ để xác định bà Lê Thị D có vay tiền của bà Trang Thị H 58.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trang Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị D phải trả tiền lãi cho bà. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thị H không yêu cầu tính lãi, đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm bà Trang Thị H không có kháng cáo về phần lãi suất, vì vậy yêu cầu của bà Trang Thị H là không có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D; giữ nguyên Bản án số 26/2016/DS-ST ngày 22/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị D còn trong hạn luật định được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Lê Thị D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bà không đồng ý trả cho bà Trang Thị H số tiền 58.000.000 đồng, không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.900.000 đồng và chi phí giám định 3.230.000 đồng vì bà không có thiếu tiền bà Trang Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Trang Thị H yêu cầu bà Lê Thị D trả cho bà số tiền 58.000.000 đồng mà bà Trang Thị H cho rằng cho bà Lê Thị D vay từ ngày 22/9/2010 âm lịch đến ngày 29/9/2010 âm lịch, tại cấp sơ thẩm bà Trang Thị H có cung cấp "Giấy tính tiền" (BL 18) để chứng minh cho yêu cầu của bà Trang Thị H; bà Lê Thị D không thừa nhận có vay của bà Trang Thị H số tiền 58.000.000 đồng và cũng không thừa nhận chữ viết trong "Giấy tính tiền" là của bà, bà Lê Thị D cho rằng chỉ có vay của bà Trang Thị H số tiền 15.000.000 đồng, đã trả vốn và lãi cho bà Trang Thị H xong nhưng bà Trang Thị H không thừa nhận và bà Lê Thị D cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà; mặc khác tại Kết luận giám định số 118/KLGĐ ngày 16/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận chữ viết, chữ số trong "Giấy tính tiền" so với các mẫu chữ viết của bà Lê Thị D là do cùng một người viết ra; sau khi kháng cáo bà Lê Thị D có đơn đề nghị cấp phúc thẩm giám định lại chữ viết của bà trong "Giấy tính tiền", tại Kết luận giám định số 1567/C54B ngày 18/7/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ viết, chữ số trong "Giấy tính tiền" so với các mẫu chữ viết của bà Lê Thị D là do cùng một người viết ra. Từ đó cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thị H, buộc bà Lê Thị D trả cho bà Trang Thị H số tiền 58.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Trang Thị H yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà tiền lãi đối với số tiền vay 58.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận; bởi lẽ, theo đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thị H không yêu cầu tính lãi và sau khi xét xử sơ thẩm bà Trang Thị H cũng không có kháng cáo về phần lãi suất.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị D là không có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tại phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về chi phí giám định: Bà Lê Thị D phải chịu 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí giám định tại cấp phúc thẩm, bà Lê Thị D đã nộp tạm ứng chi phí giám định số tiền là 5.000.000 đồng, nên bà Lê Thị D được nhận lại 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng còn thừa tại Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Về án phí: Do kháng cáo của bà Lê Thị D không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, bà Lê Thị D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2016/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn bà Trang Thị H với bị đơn bà Lê Thị D.

Các quyết định khác bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về chi phí giám định: Bà Lê Thị D phải chịu 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí giám định tại cấp phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp là 5.000.000 đồng, bà Lê Thị D được nhận lại 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng còn thừa tại Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Về án phí: Bà Lê Thị D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 0005865 ngày 04/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà Lê Thị D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Đắc Đương